

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2019/HS-ST
Ngày: 25/11/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Lâm và bà Nguyễn Thị Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tòng Văn Q**; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 24/10/1991, tại: xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tòng Văn Đ, sinh năm 1960 và con bà Lò Thị H, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2017) và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2019, tạm giam ngày 21/9/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Họ và tên: **Lò Duy T**, sinh năm 1981; trú tại: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

* Người nghĩa vụ liên quan:

1. Họ và tên: **Tòng Văn Đ**, sinh năm 1960; nơi cư trú: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Văn U**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/9/2019 anh Lò Duy T, sinh năm 1981, trú tại: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên có cho ông Tòng Văn Đ là bố vợ mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, sản xuất năm 2012 màu đỏ-đen, biển kiểm soát 27Z1 -000.00 để đi làm (anh T để giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy trong cốp xe). Khoảng 17 giờ ngày 13/9/2019 ông Tòng Văn Đ đi làm về dựng chiếc xe máy ở dưới gầm sàn nhà và để nguyên chìa khóa ở xe rồi đi lên nhà. Lợi dụng xe có sẵn chìa khóa và ông Đ không để ý bị cáo Tòng Văn Q (là con trai ông Đên) đã trộm cắp chiếc xe máy mang đến hiệu cầm đồ Hà Tở bản C, xã Q, huyện T bán cho Lê Văn U với giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Hai bên có làm hợp đồng mua bán xe máy, bị cáo đưa cho U 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lò Duy T và 01 giấy chứng minh nhân dân số 040396073 mang tên Tòng Văn Q do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 04/6/2019. Bị cáo sử dụng số tiền 2.000.000đ chi tiêu cho cá nhân hết; đến chiều ngày 15/9/2019 bị cáo về nhà thì gặp anh rể là Lò Duy T, anh T hỏi bị cáo xe máy đâu thì bị cáo trả lời “Xe máy em bán rồi”, anh T bực tức nhưng không nói gì. Đến chiều ngày 16/9/2019 bị cáo đến nhà T chơi nhưng không thấy ai ở nhà, bị cáo nhìn thấy chiếc máy tính xách tay, hiệu ASUS, ký hiệu N4200, sản xuất năm 2018, màu đen, viền mặt trắng để ở trên giường phủ chăn lên. Bị cáo trộm cắp chiếc máy tính mang về nhà cho vào chiếc túi xách màu đen của bị cáo, sau đó thuê xe ôm mang đến nhà Lê Văn U và nói “Anh xem cái này được bao nhiêu, máy tính này em mua ở thế giới di động hơn 13.000.000đ”. Sau khi xem máy tính Ứng trả bị cáo 2.000.000đ, bị cáo đồng ý bán rồi nhận 2.000.000đ mang đi chơi tiêu hết số tiền đó. Đến ngày 17/9/2019 bị cáo về nhà thì gặp anh T, anh T hỏi “Máy tính để ở đâu”, bị cáo trả lời “Máy tính mang bán cho hiệu cầm đồ Hà Thoa”. Ngay sau đó anh T đã làm đơn tố giác hành vi phạm tội của bị cáo Tòng Văn Q.

Ngày 18/9/2019 Lê Văn U giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Tuần giáo 01 bản hợp đồng mua bán xe máy giữa bên bán là bị cáo Tòng Văn Q, bên mua là Lê Văn U; 01 thông báo và thỏa thuận với khách hàng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lò Duy T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 040396073 mang tên Tòng Văn Q do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 04/6/2019.

Kết luận định giá tài sản số: 34/KL-ĐGTS ngày 19/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tuần Giáo kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, sản xuất năm 2012 màu đỏ-đen, biển kiểm soát 27Z1 -000.00, cũ, đã qua sử dụng, giá trị là 5.250.000đ (*năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 máy tính xách tay, hiệu ASUS, ký hiệu N4200, sản xuất năm 2018, màu đen, viền mặt trắng, cũ, đã qua sử dụng, giá trị là 4.875.000đ (*bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo Tòng Văn Q thừa nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại bản Cáo trạng số: 103/CT-VKS-TG ngày 04 tháng 11 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Tòng Văn Q về tội: Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị hại anh Lò Duy T trình bày: Bị cáo Tòng Văn Q đã trộm cắp tài sản của anh T gồm. Ngày 13/9/2019 bị cáo trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, sản xuất năm 2012 màu đỏ-đen, biển kiểm soát 27Z1 -000.00, cũ, đã qua sử dụng, giá trị là 5.250.000đ; ngày 16/9/2019 bị cáo tiếp tục trộm cắp 01 máy tính xách tay, hiệu ASUS, ký hiệu N4200, sản xuất năm 2018, màu đen, viền mặt trắng, cũ, đã qua sử dụng, giá trị là 4.875.000đ. Bị cáo mang tất cả tài sản trên ra hiệu Cầm đồ bán cho Lê Văn U lấy số tiền 4.000.000đ và đã sử dụng hết. Đến ngày 20/10/2019 anh Lò Duy T thỏa thuận, trả cho Lê Văn U 4.000.000đ và đã lấy lại được 01 xe máy, 01 máy tính mà bị cáo Q đã bán cho U. Về phần bồi thường thiệt hại, anh T không yêu cầu bị cáo Q bồi thường 4.000.000đ anh đã bỏ ra chuộc lại tài sản. Về phần hình phạt, anh Lò Duy T đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo Tòng Văn Q theo quy định của pháp luật.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tòng Văn Q từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Vào ngày 13/9/2019 bị cáo Tòng Văn Q trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, sản xuất năm 2012 màu đỏ-đen, biển kiểm soát 27Z1 -000.00, cũ, đã qua sử dụng, giá trị là 5.250.000đ (*năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); đến ngày 16/9/2019 bị cáo tiếp tục trộm cắp 01 máy tính xách tay, hiệu ASUS, ký hiệu N4200, sản xuất năm 2018, màu đen, viền mặt trắng, cũ, đã qua sử dụng, giá trị là 4.875.000đ (*bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) của anh Lò Duy T. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên thì bị cáo đã mang bán cho chủ hiệu cầm đồ Lê Văn U được số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) và chi tiêu hết. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo cơ quan điều tra, lời khai bị hại, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo Tòng Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài

sản bị cáo đã trộm cắp là 10.125.000đ (mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Tòng Văn Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất và mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Lò Duy T nói riêng; gây mất an toàn trên địa bàn huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên nói chung. Tội phạm bị cáo vi phạm là tội phạm ít nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có bố đẻ được Nhà nước thưởng Huân chương chiến công hạng Ba; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo trộm cắp tài sản 02 lần, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được gia đình nuôi cho học hết lớp 12. Từ năm 2009-2011 học tại trường Cao đẳng nghề Điện Biên. Sau khi tốt nghiệp về làm ăn sinh sống tại Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Năm 2013 sử dụng chất ma túy, năm 2018 nghiện chất ma túy. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật đồng thời giúp bị cáo cai nghiện chất ma túy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thu nhập của bị cáo chỉ dựa vào sản xuất nông nghiệp, nên không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lò Duy T đã chuộc lại tài sản mà bị cáo bán cho Lê Văn U là 4.000.000đ, nhưng anh không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Lê Văn U là người đã mua tài sản do bị cáo Tòng Văn Q trộm cắp mang bán nhưng qua điều tra, xác minh làm rõ khi bán tài sản cho Lê Văn U, bị cáo không nói cho U biết đó là tài sản do trộm cắp, khi mua bán có làm hợp đồng. Xét thấy Lê Văn U không có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo không xem xét xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hành vi và các Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[9] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí; theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Tòng Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tòng Văn Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/9/2019.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/11/2019).

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Việt Hương

